

EXERCISE 1

Hoàn thành bảng sau với dạng đại từ phù hợp:

Subject pronoun	I		he		it		you	
Object pronoun		you		her		us		them

EXERCISE 2

Hoàn thành câu với dạng đại từ đúng từ bảng ở bài tập 1:

1. I'm behind the tree. You can't see _____.
2. Jill's got some sweets. Ask _____ to give you one.
3. My dad's waiting for me. Tell _____ I'm going to be late.
4. There's a mouse. I'm going to catch _____.
5. Georgina is a secretary. _____ types letters.
6. "Have you got any lemons?" "No, I'm sorry. _____'re all gone."
7. "Have you got my money?" "Yes. I've got _____."
8. "What kind of dog is that?" "_____ 's a labrador."
9. "Have I got ice cream on my nose?" "Yes, _____ have."
10. "Where's Humphrey?" "I just saw _____ taking a bath."

EXERCISE 3

Hoàn thành câu bằng cách thay thế những từ **in đậm** bằng một đại từ phù hợp:

e.g. I sent **Bill the photos**. I sent them to him.

1. I keep **my pet snake** in a cage. I keep _____ in a cage.
2. **My hair** is getting very long. _____ is getting very long.
3. **My grandmother** knits socks for **my grandfather**.
_____ knits socks for _____.
4. **George** doesn't like **sausages**.
_____ doesn't like _____.
5. I lost **the ticket**, I lost _____.
6. He gave **his mother the flowers**.
He gave _____ to _____.
7. I asked **John** for **the money**.
I asked _____ for _____.